

NGOẠI GIAO VIỆT NAM THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC: BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI HIỆN NAY

Vũ Dương Huân*

Tóm tắt

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam đã giành được toàn thắng vào mùa Xuân năm 1975. Trong chiến công này có vai trò to lớn của ngoại giao - mặt trận có ý nghĩa chiến lược. Công tác ngoại giao đã để lại nhiều bài học vô giá, còn nguyên giá trị. Việc tổng kết bài học kinh nghiệm rất quan trọng cho công tác đối ngoại của Việt Nam hiện nay. Có nhiều cách tiếp cận khi đúc kết bài học kinh nghiệm, song điều quan trọng là phải xuất phát từ thực tiễn. Bài viết phân tích, đánh giá chín bài học kinh nghiệm đúc kết từ thực tiễn ngoại giao Việt Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước, trong đó có nhiều bài học đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát và đúc kết thành lý luận. Những bài học được rút ra có tầm sâu lý luận và giá trị tham khảo cho công tác đối ngoại hiện nay.

Từ khóa: Kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bài học kinh nghiệm, mặt trận ngoại giao.

Mở đầu

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Việt Nam là cuộc đụng đầu lịch sử có ý nghĩa quốc tế to lớn và ý nghĩa thời đại sâu sắc. Ngày 30/4/1975, cuộc kháng chiến đã giành được thắng lợi vẻ vang. Trong chiến công trên có vai trò to lớn của mặt trận ngoại giao với nhiệm vụ

làm suy yếu hậu phương quốc tế của địch, củng cố hậu phương quốc tế của ta và giải quyết vấn đề ta thắng địch thua.

Mặt trận ngoại giao thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã để lại những bài học gì cho công tác đối ngoại hiện nay? Mục đích của bài viết là đúc kết những bài học kinh nghiệm để soi chiếu cho công tác đối ngoại hiện nay. Có nhiều cách tiếp cận khác nhau về bài học kinh nghiệm như: bài học chung; bài học riêng về từng vấn đề; bài học thành công và bài học chưa thành công; bài học cho từng giai đoạn nhỏ... Điều quan trọng là bài học phải được rút ra từ chính thực tiễn và có giá trị đối với công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước hiện nay. Nhiều bài học đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát thành lý luận, soi sáng ngoại giao thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước và thực tiễn làm cho bài học càng trở nên sâu sắc. Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ tổng kết những bài học chung của ngoại giao thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước mà vẫn còn giá trị soi chiếu cho ngoại giao Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Những bài học ngoại giao rút ra từ giai đoạn kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Độc lập tự chủ, tự lực, tự cường và đoàn kết quốc tế

Độc lập, tự chủ là bài học lớn của ngoại giao Việt Nam, được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát thành lý luận và đã được Đảng ta vận dụng sáng tạo cũng như nâng lên tầm cao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào.”¹ Trong quan hệ giữa các đảng cộng sản và công nhân quốc

* Đại sứ, GS. TS., nguyên Giám đốc Học viện Ngoại giao.

¹ Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 5 (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2011), 162.

tế, Người còn khẳng định: “Các đảng dù lớn, dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.”² Bên cạnh tư tưởng độc lập tự chủ, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh quan điểm tự lực, tự cường, tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính. Trong Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo năm 1921, Người viết: “Công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em.”³ Trong *Đường cách mệnh*, Người nêu tư tưởng “... nếu thợ thuyền An Nam biết tổ chức thì Quốc tế đã hết lòng giúp cho mà làm cách mệnh. Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình đã.”⁴ Nói chuyện với cán bộ ngoại giao tại Hội nghị Ngoại giao lần thứ ba (tháng 1/1964), Người khẳng định: “cái gốc, cái điểm mấu chốt về chính trị, quân sự, kinh tế, nội chính, ngoại giao của ta là tự lực cánh sinh.”⁴ Độc lập, tự chủ không có nghĩa là biệt lập, cô lập, trái lại gắn liền với đoàn kết và hợp tác quốc tế. “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai.”⁵

Trong bối cảnh quốc tế vô cùng phức tạp những năm kháng chiến chống Mỹ như: khủng hoảng đường lối trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; Liên Xô và Trung Quốc - hai nước lớn đứng đầu phe xã hội chủ nghĩa bất đồng và chia rẽ sâu sắc; tư tưởng sợ Mỹ tràn lan... là đóm lửa có thể bùng nổ thành chiến tranh thế giới, xuất phát từ thực tiễn đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã tự xác định con đường cách mạng Việt Nam là con đường bạo lực cách mạng; cách mạng Việt Nam phải đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, với mục tiêu chung là thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc. Khi Mỹ tiến hành chiến tranh cục bộ, trực tiếp

đưa quân vào miền Nam Việt Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, Đảng đã xác định đường lối đánh Mỹ là quyết tâm đánh và thắng Mỹ, tiến công Mỹ trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao, đánh lâu dài..., độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và đoàn kết quốc tế rộng rãi là đường lối đối ngoại và ngoại giao.

Mặc dù là đồng minh theo ý thức hệ, song Liên Xô và Trung Quốc có quan điểm khác với Việt Nam về nhiều vấn đề như: đường lối chống Mỹ; chiến tranh và hòa bình; con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh Liên Xô, Trung Quốc và nhiều bạn bè tác động mạnh đến chúng ta, song Việt Nam vẫn kiên trì đường lối độc lập, tự chủ và duy trì đoàn kết quốc tế. Liên Xô và Trung Quốc đều muốn lôi kéo Việt Nam, định hướng cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Việt Nam cho các mục tiêu chiến lược nước lớn như chính sách hòa hoãn với Mỹ. Liên Xô muốn Việt Nam sớm đi vào đàm phán, còn Trung Quốc lại muốn Việt Nam tiếp tục đánh lâu dài. Chúng ta quyết định “vừa đánh, vừa đàm” để kéo địch xuống thang. Cũng với tinh thần độc lập, tự chủ, chúng ta chủ trương đoàn kết Xô - Trung trong bối cảnh hai nước chia rẽ nghiêm trọng để tập trung chống Mỹ và kết quả là cả Liên Xô và Trung Quốc đều tiếp tục ủng hộ, viện trợ to lớn cho Việt Nam.

Như vậy, trên cơ sở đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng tự quyết định chủ trương, chiến lược, sách lược và thời điểm đàm phán. Chúng ta chỉ tham khảo ý kiến và thông báo kết quả thương lượng cho hai đồng minh Liên Xô, Trung Quốc và tham gia ký định ước quốc tế xác nhận kết quả cũng như đảm bảo Hiệp định. Chúng ta đã thực sự phát huy tinh thần độc lập, tự chủ trong đàm phán tại Hội nghị Paris. Bài học này trở thành nền tảng của đường lối đối ngoại Việt Nam về sau, kể cả trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, là đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

² Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 12, Sđd, 732.

³ Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 2, Sđd, 138.

⁴ Học viện Quan hệ quốc tế, *Bác Hồ nói về ngoại giao* (Hà Nội, 1994), 14.

⁵ Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 5, Sđd, 256.

Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại

Hồ Chí Minh đã khẳng định ý nghĩa quan trọng của việc kết hợp yếu tố sức mạnh dân tộc với sự giúp đỡ, ủng hộ từ bên ngoài. Người nói: “Không có một sức mạnh thống nhất của cả nước, không có sự giúp đỡ mạnh mẽ của bên ngoài, công cuộc vận động giải phóng khó mà thành công được.”⁶ Người cũng viết: “Phải chú ý đến tình hình thế giới, vì nước ta là một bộ phận của thế giới, mọi việc trong thế giới đều có quan hệ với nước ta, việc gì trong nước ta cũng quan hệ với thế giới.”⁷

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, việc kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại là thành công nổi bật. Chúng ta đã nhận diện đúng sức mạnh của đất nước và thời đại. Sức mạnh của Việt Nam chính là sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc với quyết tâm đánh và thắng Mỹ dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. Bên cạnh đó, Việt Nam còn tập hợp sức mạnh đoàn kết của ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung và sức mạnh của thời đại chính là tận dụng thế tiến công của các dòng thác cách mạng.

Việt Nam đã biết kết hợp ba tầng mặt trận: mặt trận ở Việt Nam, mặt trận Đông Dương và mặt trận nhân dân thế giới. Thành tựu nổi bật là sự hình thành trên thực tế mặt trận nhân dân thế giới rộng khắp ủng hộ Việt Nam kháng chiến chống Mỹ. Với các nước xã hội chủ nghĩa, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế, Việt Nam đã củng cố và tăng cường quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trước hết là với Liên Xô và Trung Quốc, mặc dù có bất đồng mâu thuẫn sâu sắc, song chúng ta vẫn nhận được viện trợ cả về mặt vật chất và tinh thần. Đồng thời, Việt Nam đã mở rộng quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân quốc tế. Mặt khác, Việt Nam tăng cường quan hệ với các

⁶ Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 3, Sđd, 480.

⁷ Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 9, Sđd, 265.

nước và các dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh, tranh thủ chính quyền và nhân dân các nước này cũng như các lực lượng tiến bộ, chống chiến tranh.

Một bộ phận quan trọng của mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ chính là các tầng lớp nhân dân các nước tư bản phát triển, trong đó có nhân dân Mỹ. Phong trào phát triển mạnh cùng với việc Mỹ mở rộng chiến tranh ở hai miền Nam, Bắc Việt Nam dưới nhiều hình thức. Có lẽ trong lịch sử thế giới chưa có cuộc đấu tranh của một dân tộc nào lại được sự đồng tình ủng hộ rộng rãi và mạnh mẽ của nhân dân thế giới như đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. Không phải không có lý khi một số báo chí phương Tây đã nhận xét rằng trong chiến tranh Việt Nam, đế quốc Mỹ đã bị đánh bại ngay trên đất Mỹ.

Đi đôi với việc tập hợp lực lượng và sự ủng hộ của nhân dân thế giới với các nước xã hội chủ nghĩa làm trung tâm, Việt Nam đã có chính sách phân hóa cao độ hàng ngũ địch làm cho các thế lực xâm lược hiểu chiến nhất là tập đoàn Johnson, Nixon bị cô lập cao độ. Do đó, có thể nói Việt Nam tuy yếu, nhỏ hơn nhiều lần so với Mỹ nhưng do ta biết kết hợp sức mạnh của toàn dân tộc và sự ủng hộ quốc tế cả về tinh thần và vật chất, thêm vào đó cuộc đấu tranh của nhân dân ta là phù hợp với bước phát triển của xu thế thời đại cho nên ta đã tạo ra được một sức mạnh tổng hợp đè bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Về nguyên nhân hình thành mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ, có thể tổng kết một số nguyên nhân chính. *Trước hết*, nguyên nhân sâu xa là cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam không đơn thuần là một cuộc chiến tranh, mà là cuộc đụng đầu lịch sử có ý nghĩa quốc tế to lớn và ý nghĩa thời đại sâu sắc. Mục tiêu cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của chúng ta là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, phù hợp với các mục tiêu cách

mạng của thời đại nên đã có sự ủng hộ rộng rãi, hơn nữa, các lực lượng cách mạng đang ở thế tiến công. *Thứ hai*, các lực lượng tiến bộ trên thế giới đấu tranh chống chủ nghĩa can thiệp của đế quốc Mỹ, nhất là khi các hình ảnh tội ác chiến tranh bị phơi bày đã thức tỉnh lương tri loài người. *Thứ ba*, vai trò của truyền thông như báo viết, truyền hình, báo nói... đã giúp tuyên truyền thông tin về cuộc kháng chiến của nhân dân ta, đồng thời đã quảng bá những hoạt động chống chiến tranh của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. *Thứ tư*, đó là đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế đúng đắn của Đảng và Nhà nước Việt Nam. *Thứ năm*, sự đóng góp của hoạt động ngoại giao năng động cũng như hiệu quả của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận/ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại là bài học lớn của cách mạng và ngoại giao Việt Nam, vẫn còn nguyên giá trị cho hiện nay và mai sau.

Coi trọng và ứng xử khôn khéo với các nước lớn

Nước lớn có vai trò quan trọng trong nền chính trị thế giới. Trả lời phỏng vấn hãng thông tấn Nam Dương về điều kiện đảm bảo nền hòa bình lâu dài trên thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Thế giới hòa bình có thể thực hiện được nếu các nước trên thế giới, nhất là những nước lớn, đều sẵn sàng giải quyết xích mích giữa các nước bằng thương lượng và nếu nhân dân thế giới không chịu để bọn gây chiến lừa phỉnh, mà tự nhận lấy trách nhiệm bảo vệ hòa bình thế giới.”⁸

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Việt Nam có quan hệ trực tiếp với ba nước lớn là đế quốc Mỹ ở bên kia chiến tuyến, còn Liên Xô và Trung Quốc là đồng minh theo ý thức hệ của Việt Nam.

⁸ Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 8, Sđd, 475.

Đối với Mỹ, để thắng Mỹ chúng ta phải xác định quyết tâm đánh và thắng Mỹ, đồng thời phải nghiên cứu sâu để hiểu Mỹ, nhất là chiến lược quân sự, chính trị, ngoại giao của Mỹ... Mặt khác, do tương quan lực lượng quá chênh lệch, chúng ta phải biết cách đánh và thắng Mỹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: nếu Mỹ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, chúng ta sẵn sàng “nổi nhíp cầu vàng” để quân đội Mỹ rút về nước.⁹ Người còn căn dặn Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Xuân Thủy trước khi sang Paris thương lượng với Mỹ: “Mỹ là nước lớn đứng đầu thế giới tư bản, buộc phải ngồi đàm phán, thương lượng đã là thất bại rồi, vì thế Bác yêu cầu là không được làm Mỹ mất mặt. Phải tế nhị, khéo léo, lúc cương, lúc nhu thì mới gọi là đàm phán hòa bình, mới đạt kết quả.”¹⁰

Đối với Liên Xô và Trung Quốc, Việt Nam rất coi trọng vì là hai đồng minh lớn. Không có sự ủng hộ, giúp đỡ của họ, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước khó thành công. Quan điểm của chúng ta có nhiều điểm khác với quan điểm của Liên Xô và Trung Quốc trong các vấn đề như: đánh Mỹ; chiến tranh và hòa bình; con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam. Liên Xô giúp phát triển kinh tế ở miền Bắc, không muốn chúng ta đánh mạnh ở miền Nam, sợ ảnh hưởng hòa hoãn Xô - Mỹ. Liên Xô cũng không mặn mà trong việc đề cao vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Tháng 2/1963 Liên Xô chuyển cho ta gợi ý của Mỹ về trung lập hóa hai miền Việt Nam và muốn đưa vấn đề Đông Dương ra Liên hợp quốc, dọa cắt viện trợ quân sự (2/1964); đồng thời Liên Xô cũng muốn từ bỏ vai trò đồng Chủ tịch Hội nghị Geneva 1954 về Đông Dương.¹¹

⁹ Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 14, Sđd, 449-450.

¹⁰ Nguyễn Minh Vỹ, “Hồi ký,” *Tuần báo Quốc tế*, số 20, tháng 5/1995.

¹¹ Bộ Ngoại giao, *Tổng kết 50 năm ngoại giao Việt Nam (1945-1995)*, Phần III. Đấu tranh ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (Hà Nội, 2001), 21.

Trong khi đó, Trung Quốc thực hiện chính sách nước đôi đối với Việt Nam. Trung Quốc lợi dụng cuộc kháng chiến của Việt Nam, Đông Dương để hòa hoãn với Mỹ, phá hòa hoãn Xô - Mỹ, phấn đấu thành một cực... Trung Quốc vừa ủng hộ vừa tìm cách độc quyền chi phối cuộc kháng chiến của Việt Nam. Trung Quốc tuyên bố rất mạnh: “Trung Quốc quyết không khoanh tay ngồi nhìn Mỹ mở rộng xâm lược Việt Nam và Đông Dương.”¹² Song Trung Quốc luôn ngăn chúng ta đánh mạnh, nhắc chúng ta nên chờ đợi.

Trong bối cảnh mâu thuẫn Xô - Trung tăng cao, tác động lớn đến quan hệ giữa Việt Nam với hai nước lớn đồng minh, Việt Nam kiên trì giữ đường lối độc lập, tự chủ, trong ứng xử với hai nước, thực hiện nhất quán chính sách cân bằng quan hệ với cả Liên Xô và Trung Quốc. Các biện pháp Việt Nam đã triển khai bao gồm: thứ nhất, giữ tình hữu nghị chân thành với cả Liên Xô và Trung Quốc; thứ hai, khéo tạo điều kiện để cả Liên Xô và Trung Quốc đều có tiếng nói, “vị trí” trong vấn đề Việt Nam. Việt Nam thường xuyên thông báo, trao đổi tình hình về các vấn đề lớn qua các cuộc gặp cấp cao: trong 7 năm (1968-1973) đã có 51 cuộc gặp, trao đổi với Liên Xô và số lượng tương tự với Trung Quốc;¹³ thứ ba, Việt Nam hết sức tranh thủ Liên Xô và Trung Quốc, song giữ độc lập, tự chủ. Đó là nguyên tắc rất quan trọng. Chúng ta kiên quyết không để Liên Xô hay Trung Quốc gây ảnh hưởng đến đường lối và phương thức điều hành chiến tranh. Chúng ta không để vấn đề Việt Nam rơi vào quỹ đạo Xô - Mỹ hoặc Trung - Mỹ; và cuối cùng là xử lý khôn khéo các bất đồng trong quan hệ với Liên Xô và Trung Quốc. Việt Nam đã thành công trong việc tranh thủ cả Liên Xô và Trung Quốc khi cả hai nước đều dành cho Việt Nam sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn về vật chất và tinh thần. Qua đó Việt Nam cũng đã hạn chế được tác động tiêu cực của mâu thuẫn Xô - Trung đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

¹² Như trên, 21.

¹³ Như trên, 50.

Từ những bài học trên có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Một là trong quan hệ với các nước lớn, không đi với nước này, chống nước kia. Khi đi với bên này, đối đầu với bên kia, khi họ hòa hoãn, thỏa hiệp, dàn xếp những giải pháp có lợi cho họ và bất lợi cho các nước nhỏ, nước nhỏ bị rơi vào tình thế cực kỳ khó khăn. Nguy hiểm nhất là khi nước lớn thỏa hiệp với nhau trên lưng nước nhỏ, hy sinh lợi ích, quyền lợi nước nhỏ, thậm chí cả độc lập, chủ quyền của nước nhỏ.

Hai là không bao giờ tự mình đối đầu với nước lớn, trừ phi nước lớn xâm phạm độc lập, chủ quyền, lãnh thổ. Nước lớn đương nhiên có vai trò lớn, vị trí lớn, tiềm lực to lớn về vật chất cũng như nhân lực. Nước lớn bao giờ cũng có chiến lược, sách lược ngoại giao một cách bài bản, có nhiều con bài, nhiều dư địa, có nhiều mối quan hệ và không ít nước phải kiêng nể. Chính vì vậy, khi đối đầu, xung đột xảy ra giữa nước nhỏ và nước lớn, thì quy luật là nước nhỏ bao giờ cũng chịu thiệt thòi nhiều hơn, mất mát nhiều hơn, hậu quả nhiều hơn nước lớn.

Ba là muốn có chính sách đúng đắn với nước lớn phải hiểu chiến lược của họ, vị trí nước mình trong chiến lược đó. Mỹ can dự ở Việt Nam và rút khỏi Việt Nam đều vì mục tiêu chiến lược toàn cầu của họ.

Bốn là tôn trọng và giữ thể diện cho các nước lớn. Nước lớn có sĩ diện rất lớn, không nên làm tổn thương thể diện nước lớn của họ.

Tóm lại, coi trọng và có ứng xử khôn khéo với các nước lớn là bài học rất thời sự trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng.

Đoàn kết ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung

Lào, Cam-pu-chia và Việt Nam là những nước láng giềng cùng nằm trên bán đảo Đông Dương, do điều kiện địa lý và truyền thống lịch sử, ba nước có mối quan hệ khăng khít sâu xa. Nhân dân ba nước nương

tự nhau để đấu tranh giành độc lập dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn quân tình nguyện Việt Nam trước khi lên đường sang nước bạn: “Các chú nhận một nhiệm vụ quan trọng và vẻ vang như nhiệm vụ này, tức là giúp nhân dân nước bạn. Mà giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình.”¹⁴ Đây chính là sự phát triển nguyên lý chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, giúp đỡ nhau trên tình đồng chí anh em. Người khẳng định: “Sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân ba nước Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào đoàn kết chặt chẽ nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng.”¹⁵

Pháp và sau đó là Mỹ đều xem ba nước Đông Dương là một chiến trường, trong đó Việt Nam là chiến trường chủ yếu nhất. Chiến lược chung của Việt Nam là đoàn kết nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh chống một kẻ thù chung. Như Đảng đã xác định: “Chúng ta kháng chiến, dân tộc bạn Miên, Lào cùng kháng chiến. Vì vậy, ta phải ra sức giúp đỡ anh em Miên, Lào, giúp đỡ kháng chiến Miên, Lào; và tiến tới thành lập Mặt trận thống nhất các dân tộc Việt - Miên - Lào.”¹⁶ Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Mặt trận dân tộc thống nhất Việt - Miên - Lào chống thực dân Pháp đã được thành lập năm 1951. Trong kháng chiến chống Mỹ, từng bước chúng ta đã xây dựng được mặt trận nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chống kẻ thù chung. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Vương quốc Lào ngày 5/9/1962 và với Vương quốc Cam-pu-chia ngày 24/6/1967. Như vậy, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Việt Nam vừa có quan hệ chính thức với chính phủ Lào và Cam-pu-chia, vừa có quan hệ chặt chẽ với các lực lượng yêu nước của hai nước này.

¹⁴ Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 8, Sđd, 105.

¹⁵ Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 14, Sđd, 510.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 12 (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2001), 36.

Tại Cam-pu-chia, trong kháng chiến chống Mỹ, Chính phủ Sihanouk đã thực hiện chính sách trung lập và tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam sử dụng lãnh thổ nước này làm con đường cung cấp hậu cần cho cách mạng miền Nam. Tại Lào, Việt Nam giúp Lào chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ với sự tham gia của không quân Mỹ và một lực lượng lục quân Thái Lan. Tháng 2/1970, chúng ta giành lại Cánh Đồng Chum; ngày 1/5/1970, giải phóng hoàn toàn tỉnh Attapeu; Saravan (6/1970), tạo thuận lợi cho việc tiếp tế vào miền Nam Việt Nam và Cam-pu-chia. Trước tình hình mới của cách mạng ba nước, Hội nghị cấp cao nhân dân Đông Dương đã được tổ chức ngày 24-25/4/1970. Tuyên bố chung của Hội nghị có ý nghĩa là một cương lĩnh đấu tranh chung của ba dân tộc và là một hiến chương về mối quan hệ giữa nhân dân ba nước. Với các chiến thắng lớn của miền Nam Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào, với sự hình thành và mở rộng vùng giải phóng ở Cam-pu-chia và Lào, lực lượng kháng chiến của ba nước tạo thành thế liên hoàn chiến trường chung của ba nước Đông Dương. Đoàn kết Đông Dương phát triển với một hình thái mới, cao hơn. Việt Nam đã phối hợp và giúp bạn Lào ký Hiệp định ngày 21/2/1973 và các nghị định thư đi kèm về chấm dứt chiến tranh ở Lào, lập Chính phủ liên hiệp. Đây là lần thứ ba, Lào có chính phủ liên hiệp, song lần này lực lượng yêu nước Lào có nhiều lợi thế. Việt Nam cũng giúp dập tắt cuộc đảo chính của phái hữu ở Lào ngày 20/8/1973. Thực hiện Hiệp định Paris, quân tình nguyện Việt Nam rút khỏi Lào, nhưng vẫn hết lòng giúp đỡ cách mạng Lào lớn mạnh.

Đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia là bài học lớn được rút ra từ ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bài học còn nguyên giá trị trong bối cảnh quan hệ Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia hiện nay.

Sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với mặt trận ngoại giao, nguyên nhân của mọi thắng lợi

Đảng ta đã khẳng định: “Sau vấn đề phòng thủ, ngoại giao là một vấn đề cần yếu cho một nước độc lập.”¹⁷ Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Tiền công ngoại giao là một mặt tiền công quan trọng có ý nghĩa chiến lược.”¹⁸ Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước cũng như trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam nói chung, Đảng ta là Đảng cầm quyền, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thành công. Trên mặt trận ngoại giao, đường lối, chính sách đối ngoại được hoạch định tại Đại hội III năm 1960, cũng như tại nhiều Hội nghị Trung ương và Bộ Chính trị, đặc biệt là Hội nghị Trung ương 11, 12 năm 1965, Hội nghị Trung ương 13 (1967)... Trên cơ sở quyết tâm đánh và thắng Mỹ, Đảng vạch ra đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước và đường lối đối ngoại khoa học phù hợp với thực tiễn, đó là đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế. Cùng với việc vạch ra đường lối đối ngoại, chiến lược, sách lược và các giải pháp chính sách, Đảng còn sắp xếp bộ máy tổ chức và bố trí nhân sự các cấp, nhất là cấp cao. Đảng cũng là người chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công các nghị quyết đối ngoại, đặc biệt là cuộc đàm phán lịch sử giữa Việt Nam và Mỹ tại Paris về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam. Hiệp định Paris (tháng 1/1973) với việc đánh cho “Mỹ cút” dẫn đến thay đổi so sánh lực lượng để chúng ta đánh cho “ngụy nhào” vào mùa Xuân năm 1975 lịch sử.

Bài học kiên trì sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với công tác đối ngoại là bài học xuyên suốt của đối ngoại Việt Nam, đó là một trong ba nguyên tắc của chính sách đối ngoại Việt Nam, bên cạnh nguyên tắc

lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết và tôn trọng luật pháp quốc tế, trước hết là Hiến chương Liên hợp quốc.

Phối hợp và kết hợp giữa quân sự, chính trị và ngoại giao để tạo thành sức mạnh tổng hợp

Đối ngoại, ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là ngoại giao thời chiến. Trong ngoại giao thời chiến, thắng lợi quân sự ảnh hưởng quyết định đối với ngoại giao. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhận xét: “... đánh thắng thì ngoại giao thắng nhiều. Không cứ gì ở ta mà ở nước nào cũng vậy. Cố nhiên ngoại giao là rất quan trọng nhưng cái chính là mình phải đánh thắng.”¹⁹ Nghị quyết Trung ương 13 (1/1967) nhận định: “Đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay với tính chất cuộc chiến tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động.”²⁰

Đánh và đàm là truyền thống của dân tộc Việt Nam như trong chiến tranh chống quân Tống xâm lược năm 1075-1077, trong cuộc kháng chiến chống quân Minh thế kỷ XV. Trong chiến tranh cục bộ, với thắng lợi của hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, Đảng ta quyết định chuyển sang chiến lược mới “đánh kết hợp đàm” với nghị quyết Trung ương 13. Bằng thắng lợi của Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, đánh bại ý chí xâm lược của Đế quốc Mỹ, chúng ta chủ động mở ra Hội nghị Paris về Việt Nam.

¹⁷ Chỉ thị Trung ương (15/9/1947), Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 8, 290.

¹⁸ Hồng Hà, “Bác Hồ trên mặt trận đối ngoại,” trong sách *Bác Hồ trong trái tim các nhà ngoại giao*, (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 1999), 36.

¹⁹ Bộ Ngoại giao, *Bác Hồ và hoạt động ngoại giao. Một vài kỷ niệm về Bác* (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2008), 72.

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 28, Sđd, 174.

Với chiến thắng của chiến dịch quân sự Xuân - Hè 1972, Đảng ta chủ động chuyển đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Paris sang giai đoạn đàm phán thực chất. Rồi với đại thắng trong trận Điện Biên Phủ trên không lịch sử 12 ngày đêm cuối năm 1972, Việt Nam đã buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Paris gần như không thay đổi so với thỏa thuận ngày 20/10/1972.

Phối hợp quân sự, chính trị và ngoại giao để tạo thành sức mạnh tổng hợp là bài học của ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Cần vận dụng sáng tạo bài học này trong việc phối hợp và kết hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa đối ngoại quốc phòng, an ninh và ngoại giao, giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa trong bối cảnh mới.

Nắm bắt và tạo thời cơ

Ngoại giao theo nghĩa hẹp chính là đàm phán. Cuộc thương lượng Việt - Mỹ tại Paris kéo dài 5 năm, 8 tháng và 16 ngày, với 202 phiên họp công khai, 50 phiên gặp riêng cấp cao, hơn 500 cuộc họp báo và 1.000 cuộc tiếp xúc; đối với Việt Nam, đó là cuộc đàm phán dài nhất trong lịch sử ngoại giao.²¹ Đây là cuộc đối đầu giữa hai nền ngoại giao: ngoại giao cách mạng non trẻ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) và ngoại giao chuyên nghiệp của siêu cường Mỹ, có đặc điểm gắn chặt với chiến trường và bối cảnh quốc tế.²² Đàm phán tại Paris đã để lại những bài học vô giá cho ngoại giao Việt Nam trong đó có bài học về thời cơ. Trong cuộc đàm phán Việt - Mỹ tại Paris, “Đảng ta đã vận dụng tài tình tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trong việc đánh giá cục diện quốc tế,

²¹ Vũ Dương Huân, “Kết quả nghiên cứu tổng kết đàm phán Paris về Việt Nam,” trong Bộ Ngoại giao (Vũ Dương Huân, chủ biên), *Cuộc đàm phán lịch sử: Kỷ niệm 35 năm Hiệp định Paris 1968-1973*, (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2009), 33.

²² Nguyễn Khắc Huỳnh, *Ngoại giao Việt Nam: Góc nhìn và suy ngẫm* (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2011), 147-148.

diễn biến và so sánh lực lượng ở chiến trường, nội tình nước Mỹ, từ đó xác định các thời cơ lớn của ngoại giao và đàm phán.”²³

Thứ nhất, chủ động mở ra cục diện đánh và đàm. Đến cuối năm 1966, sau hai năm chiến đấu trực tiếp chống quân viễn chinh Mỹ và tay sai, quân dân miền Nam đã đạt nhiều bước tiến trên chiến trường ở mùa khô thứ nhất (Đông Xuân 1965-1966) và mùa khô thứ hai (Đông Xuân 1966-1967) và giành thắng lợi trong chống chiến tranh phá hoại miền Bắc. Đặc biệt, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, do chúng ta phát động đã đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, mở ra cục diện “vừa đánh, vừa đàm”.

Thứ hai, nắm bắt cơ hội buộc Mỹ cam kết chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc. Cuộc đàm phán Việt - Mỹ tại Paris khai mạc ngày 13/5/1968, với nội dung chính là chúng ta yêu cầu Mỹ chấm dứt ném bom hoàn toàn miền Bắc vô điều kiện, trong khi đó Mỹ đòi có điều kiện. Khoảng tháng 9/1968, cuộc vận động tranh cử tổng thống Mỹ bước vào giai đoạn quyết định. Qua thăm dò dư luận, Hubert Humphrey, ứng cử viên của Đảng Dân chủ chỉ giành được 29% phiếu, trong khi Richard Nixon, ứng cử viên Đảng Cộng hòa giành được 45% phiếu. Chính quyền Đảng Dân chủ có “nhu cầu lớn cấp bách thúc đẩy đàm phán tiến triển để hỗ trợ cho ứng cử viên Đảng Dân chủ.”²⁴ Tranh thủ thời cơ trên, chúng ta thúc đẩy Mỹ cam kết chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc, nghĩa là chấm dứt ném bom hoàn toàn vô điều kiện ngày 31/10/1968.

Thứ ba, chủ động mở ra cục diện đàm phán thực chất, tạo ra thời cơ kết thúc chiến tranh. Từ ngày 30/3/1972 kéo dài tới ngày 31/1/1973,

²³ Hà Văn Lâu, “Bí mật về chiếc bàn sử dụng trong đàm phán hiệp định Paris,” *Thế thao Văn hóa*, 19/1/2013, <https://thethaovanhoa.vn/bi-mat-ve-chiec-ban-su-dung-trong-dam-phan-hiep-dinh-paris-20130119075247742.htm>.

²⁴ Bộ Ngoại giao (Nguyễn Đình Bin, chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000* (Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 2002), 242.

quân và dân Việt Nam mở cuộc tổng tấn công chiến lược Xuân - Hè. Đây là cuộc tổng tấn công chiến lược bằng các chiến dịch tiến công quy mô lớn, hiệp đồng binh chủng, tiến công sâu vào hệ thống phòng ngự tại những hướng chiến lược quan trọng Quảng Trị - Thừa Thiên Huế, Bắc Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, đồng bằng Khu V và Khu VIII (Nam Bộ), trong đó mặt trận Trị Thiên được chọn là hướng tấn công chủ yếu. Khu V, trong đó có Đà Nẵng là chiến trường phối hợp quan trọng. Sau ba tháng tấn công, quân và dân Việt Nam giành thắng lợi lớn, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, tạo được chỗ đứng vững vàng cho quân chủ lực. Cục diện sau thắng lợi Xuân - Hè tạo ra khả năng kết thúc chiến tranh nên giữa tháng 7/1972, Việt Nam chủ động thúc đẩy Mỹ chuyển sang đàm phán thực chất.

Thứ tư, chớp thời cơ bầu cử tổng thống Mỹ đến gần và linh hoạt tạm gác nhiều vấn đề nội bộ miền Nam đưa dự thảo Hiệp định kết thúc chiến tranh. Phân tích tình hình đàm phán, Bộ chính trị cho rằng Mỹ âm mưu kéo dài thương lượng để vượt qua bầu cử tổng thống vào tháng 11/1972. Mặt khác, ở miền Nam lực lượng Mỹ, nguy cơ đầu khôi phục sau khi chiếm lại thành cổ Quảng Trị (ngày 26/9/1972). Bộ Chính trị chủ trương trước bầu cử tổng thống Mỹ, ép Mỹ ký hiệp định đảm bảo ngừng bắn, chấm dứt chiến tranh, rút quân, thả tù binh, công nhận trên thực tế ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát. Chúng ta tạm gác nhiều vấn đề nội bộ miền Nam như bầu cử, hiến pháp, xóa chính quyền Sài Gòn, loại Nguyễn Văn Thiệu, tạo ra đột phá, tháo gỡ bế tắc, đưa lập trường hai bên gần nhau và Mỹ không thể lẩn tránh cũng như kéo dài thương lượng.²⁵

Thứ năm, chiến thắng Điện Biên Phủ trên không buộc Mỹ ký Hiệp định như đã thỏa thuận. Dự thảo ngày 8/10/1972 của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được hai bên hoàn chỉnh và nhất trí ngày 20/10/1972. Vì

²⁵ Bộ Ngoại giao, *Tổng kết 50 năm ngoại giao Việt Nam (1945-1995)*, Sđd, 88.

chính quyền Sài Gòn đòi chỉnh sửa 69 điều, trong đó có những điều rất cơ bản như quân miền Bắc ở lại miền Nam, phủ nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, chức năng của Hội đồng hòa giải và hòa hợp dân tộc, vấn đề khu phi quân sự... nên Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ phải thương lượng bổ sung cho đến ngày 13/12/1972. Khi đó chỉ còn lại vấn đề qua lại khu phi quân sự. Để ép Việt Nam chỉnh sửa dự thảo Hiệp định theo yêu cầu của Chính quyền Sài Gòn, chứng minh sức mạnh, tạo niềm tin cho đồng minh... Mỹ đã mở chiến dịch ném bom ác liệt, quy mô chưa từng có bằng pháo đài bay B52 đối với Hà Nội, Hải Phòng và các thành phố khác ở miền Bắc... Do chịu thất bại nặng nề nên Mỹ buộc phải ký Hiệp định ngày 27/1/1973 với nội dung hầu như không có thay đổi đáng kể so với Dự thảo ngày 20/10/1972. Như vậy, chớp thời cơ, đón thời cơ và tạo thời cơ trong ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là bài học hay, còn nguyên giá trị.

Chú trọng nghiên cứu chiến lược

Một nhân tố quan trọng góp phần thành công trong đàm phán Hiệp định Paris và đấu tranh ngoại giao giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước chính là chúng ta đã coi trọng nghiên cứu chiến lược và đã xây dựng được cơ quan nghiên cứu chiến lược rất hiệu quả phục vụ đánh - đàm. Từ năm 1965, Bộ Ngoại giao đã thành lập Tiểu ban Việt Nam có nhiệm vụ nghiên cứu ngoại giao chống Mỹ. Chính Tiểu ban này đã đóng góp lớn cho việc xây dựng Nghị quyết Trung ương 13 ngày 26/1/1967. Cuối năm 1967, Tiểu ban Việt Nam được tăng cường thêm nhân sự và được đổi tên là Vụ II, phụ trách Mỹ và Ca-na-đa, song chủ yếu là đấu tranh với Mỹ. Đến đầu năm 1971, Vụ II được đổi tên thành CP-50 và trực thuộc Bộ Chính trị phục vụ đàm phán tại Paris. Tham gia Tiểu ban Việt Nam là Thứ trưởng Nguyễn Cơ Thạch, các đồng chí Phan Hiền, Đinh Nho Liêm, Võ Văn Sung, sau đó bổ sung nhiều nhà ngoại giao xuất

sắc khác. Về mặt chuyên môn có hai tổ (tổ Giải pháp và tổ Bước đi). Trong lịch sử ngoại giao Việt Nam và ngoại giao thế giới chưa hề có kinh nghiệm vừa đánh vừa đàm theo kiểu này. Tổ Giải pháp nghiên cứu các kịch bản mà hai bên có thể chấp nhận được. Ngoài các kịch bản đưa ra, Tổ Giải pháp còn đảm nhiệm vấn đề tù binh, người mất tích, vấn đề bồi thường chiến tranh.²⁶ Tổ Bước đi có nhiệm vụ nghiên cứu lộ trình đi đến giải pháp cuối cùng.

Về sản phẩm chiến lược: Đó là giải pháp hòa bình 10 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 8/5/1969; Sáng kiến hòa bình 8 điểm của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ngày 14/9/1970; Sáng kiến hòa bình 9 điểm của CPVNDCCCH ngày 26/6/1971 và đặc biệt là dự thảo Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam ngày 8/10/1972. *Các sản phẩm tấn công bước nhỏ:* Tuyên bố ngày 10/12/1970 về thời hạn rút quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam ngày 31/12/1971; Sáng kiến hòa bình 7 điểm của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ngày 1/7/1971. *Những sản phẩm khác:* Phi-líp-pin tuyên bố rút quân, quân Giải phóng ra lệnh không tấn công để họ rút lui an toàn... Những vấn đề lớn khác đã được Tiểu ban Việt Nam nghiên cứu và đề xuất giải pháp xử lý, như vấn đề “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong bài thơ chúc Tết Xuân 1969, là hai giai đoạn hay cùng một lúc, vấn đề Mỹ đòi hai bên cùng rút quân...

Như vậy, CP-50 chính là “think tank”, “túi khôn”, “vựa tư duy”, “vựa ý tưởng”, “nhóm tư duy chiến lược” đầu tiên về ngoại giao của nước ta, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Đây là bài học quý giá cần được phát huy, nhất là trong nghiên cứu và dự báo chiến lược về

²⁶ Xem thêm Vũ Dương Huân, “Nghiên cứu chiến lược phục vụ Hội nghị Paris,” *Sự kiện và nhân chứng* (Nguyệt san Báo Quân đội nhân dân), 22/1/2024, <https://sknc.qdnd.vn/theo-dong-su-kien/nguyen-cuu-chien-luoc-phuc-vu-hoi-nghi-paris-503223>.

đôi ngoại, ngoại giao. Trong tình hình hiện nay khi mà xu thế toàn cầu hóa kinh tế đã là một xu thế không thể đảo ngược thì công tác nghiên cứu dự báo chiến lược trong quan hệ quốc tế càng trở lên cấp thiết. Thế giới đang có nhiều biến động, không có dự báo chiến lược tương đối chính xác (nói là “tương đối” vì khoa học dự báo quan hệ quốc tế là môn khoa học có tính chính xác thấp nhất) về các nhân tố quốc tế bao gồm tất cả các chủ thể hiện đang hoạt động trên quốc tế và mối quan hệ giữa các chủ thể đó trong vòng 10-15 năm tới thì chúng ta không thể đề ra được chiến lược, sách lược ngoại giao đúng đắn cho đất nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại và ngoại giao - cội nguồn thắng lợi

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà chính trị, nhà quân sự, nhà văn hóa... Người cũng là nhà ngoại giao xuất chúng của dân tộc. Trong gần 60 năm hoạt động cách mạng sôi động và phong phú, đa dạng, trong đó có 24 năm là người đứng đầu Đảng và Nhà nước Việt Nam, có lúc kiêm nhiệm cả Bộ trưởng Ngoại giao, Người đã đặt chân đến 65 quốc gia và vùng lãnh thổ,²⁷ thành thạo nhiều ngoại ngữ. Người đã tiếp xúc với các dân tộc khác nhau, các loại người khác nhau từ người dân bình thường đến các nhà khoa học, các nhà báo, các tướng lĩnh, các nhà ngoại giao, các nhà chính trị trong đó có nhiều nhà lãnh đạo cấp cao... Người tham gia công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, cả ngoại giao song phương và ngoại giao đa phương.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, trong đó có hoạt động ngoại giao, Hồ Chí Minh đã để lại di sản đồ sộ về tư tưởng ngoại giao, được cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng khái quát: “Toàn bộ những tư tưởng của Hồ Chí Minh về hoạt động ngoại giao như: biết đánh giá, dự báo tình hình, nắm bắt thời cơ, tổ chức lực lượng, nhận rõ bạn thù, tranh thủ đồng

²⁷ Lady Borton, *Hồ Chí Minh - Một hành trình* (Hà Nội: Nxb. Thế giới, 2012), 21.

minh, cô lập kẻ thù chủ yếu, kiên định về nguyên tắc, linh hoạt về sách lược, biết thắng từng bước để tiến tới thắng lợi hoàn toàn, độc lập tự chủ gắn liền với đoàn kết quốc tế là di sản quý báu đối với chúng ta trong hoạt động ngoại giao để phục vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.”²⁸ Đó là bộ phận hữu cơ trong tư tưởng của Người về đường lối cách mạng Việt Nam. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh bao hàm bốn bộ phận cấu thành: một là tư tưởng ngoại giao (lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết; kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế; coi trọng và ứng xử khôn khéo với các nước lớn; ưu tiên xây dựng, giữ gìn quan hệ hữu nghị lâu bền với các nước láng giềng; ngoại giao là một mặt trận...); hai là phương pháp ngoại giao (“dĩ bất biến ứng vạn biến”; ngoại giao tâm công; dự báo và tranh thủ, tạo thời cơ; phối kết hợp quân sự chính trị và ngoại giao; lợi dụng mâu thuẫn đối phương...); ba là phong cách ngoại giao (độc lập, tự chủ, sáng tạo; kiên trì nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược; kiên cường, quyết đoán, quyết liệt, song linh hoạt, uyển chuyển...; và bốn là nghệ thuật ngoại giao (thể hiện trong các phương pháp và đặc biệt là nghệ thuật nhân nhượng có nguyên tắc, xác định điểm dừng, ngũ tri và nghệ thuật ứng xử...).

Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là cội nguồn của mọi thành công trong công tác đối ngoại, đúng như Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã khẳng định: “Làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh thì thắng lợi, đi chệch con đường đó thì gặp khó khăn và dẫn đến thất bại.”²⁹ Do vậy, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, trong đó có ngoại giao thời chống Mỹ cứu nước. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh

²⁸ Phạm Văn Đồng, *Quá khứ, hiện tại và tương lai*, Tập 1 (Hà Nội: Nxb. Sự thật, 1991), 55.

²⁹ Theo lời kể của nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên, “Nhuan nhuyen tu tuong Ho Chi Minh ve “Di bat bien ung van bien,” *Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao Động*, 27/8/2020, <https://tcnn.vn/news/detail/48330/Nhuan-nhuyen-tu-tuong-Ho-Chi-Minh-ve-%E2%80%99CDi-bat-bien-ung-van-bien%E2%80%99D.html>.

thấm đậm truyền thống ngoại giao của cha ông và tinh thần duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, hình thành nên Trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh với đặc trưng: “Mềm mại, khôn khéo, nhưng rất kiên cường, quyết liệt; linh hoạt, sáng tạo nhưng rất bản lĩnh, kiên định, can trường trước mọi thử thách, khó khăn... Đoàn kết, nhân ái, nhưng kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Biết nhu, biết cương; biết thời, biết thế; biết mình, biết người; biết tiến, biết thoái, tùy cơ ứng biến.”³⁰ Phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh được Tổng Bí thư Tô Lâm bổ sung nội hàm trong kỷ nguyên mới: “tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc” và “tạo sự chuyển động mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, nỗ lực, nội lực, tự tin để vượt qua thách thức, vượt qua chính mình, thực hiện khát vọng, vươn tới mục tiêu, đạt được những thành tựu vĩ đại.”³¹

Kết luận

Trong chiến công chói lọi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào mùa xuân năm 1975 có vai trò không nhỏ của mặt trận ngoại giao - mặt trận có ý nghĩa chiến lược. Công tác ngoại giao đã để lại một kho tàng bài học kinh nghiệm quý. Bài viết này rút ra chín bài học chung nhất về đối ngoại. Đó là: Độc lập tự chủ, tự lực, tự cường và đoàn kết quốc tế; Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; Coi trọng và ứng xử khôn khéo với các nước lớn; Đoàn kết ba dân tộc Đông Dương chống kẻ thù chung; Phối hợp và kết hợp giữa quân sự, chính trị và ngoại giao để

³⁰ Toàn văn Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc, *Báo Chính phủ*, 14/12/2021, <https://baochinhphu.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-doi-ngoai-toan-quoc-102305526.htm>.

³¹ Tô Lâm, “Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc,” *Tạp chí Cộng sản*, 1/11/2024, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie.

tạo thành sức mạnh tổng hợp; Nắm bắt và tạo thời cơ; Chú trọng nghiên cứu chiến lược; Sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với mặt trận ngoại giao; và Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại, ngoại giao - cội nguồn thắng lợi. Những bài học trên vẫn còn nguyên giá trị, cần được vận dụng sáng tạo cho công tác ngoại giao trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Chính phủ. Toàn văn Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc. 14/12/2021. <https://baochinhphu.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-doi-ngoai-toan-quoc-102305526.htm>.
2. Bộ Ngoại giao. *Tổng kết 50 năm ngoại giao Việt Nam (1945-1995)*. Lưu hành nội bộ, Hà Nội, 2001.
3. Bộ Ngoại giao (Nguyễn Đình Bin, chủ biên). *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2002.
4. Bộ Ngoại giao (Vũ Dương Huân, chủ biên). *Cuộc đàm phán lịch sử: Kỷ niệm 35 năm Hiệp định Paris 1968-1973*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2009.
5. Bộ Ngoại giao. *Bác Hồ và hoạt động ngoại giao. Một vài kỷ niệm về Bác*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2008.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Tập 12, 28 và 37. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2001 và 2004.
7. Học viện Quan hệ quốc tế. *Bác Hồ nói về ngoại giao*. Hà Nội, 1994.

8. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2011.
9. Hồng Hà. “Bác Hồ trên mặt trận đối ngoại.” Trong sách *Bác Hồ trong trái tim các nhà ngoại giao*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 1999.
10. Lady Borton. *Hồ Chí Minh - Một hành trình*. Hà Nội: Nxb. Thế giới, 2012.
11. Nguyễn Khắc Huỳnh. *Ngoại giao Việt Nam: Góc nhìn và suy ngẫm*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2011.
12. Phạm Văn Đồng. *Quá khứ, hiện tại và tương lai*. Hà Nội: Nxb. Sự thật, 1991.
13. Tô Lâm. “Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.” *Tạp chí Cộng sản*, 1/11/2024. https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie.
14. “Nhuần nhuyễn tư tưởng Hồ Chí Minh về Dĩ bất biến ứng vạn biến.” *Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao Động*, 27/8/2020, <https://tcnn.vn/news/detail/48330/Nhuan-nhuyen-tu-tuong-Ho-Chi-Minh-ve-%E2%80%9CDi-bat-bien-ung-van-bien%E2%80%9D.html>.